

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Lý thuyết Xác suất và Thống kê Toán học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Tạ Công Sơn

2. Ngày tháng năm sinh: 02/12/1982; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Hoàng Hợp, Hoàng Hóa, Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Phòng 502, HH3.1, FLC Gargen city, Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Tạ Công Sơn, Phòng 502, HH3.1, FLC Gargen city, Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0389318669;

E-mail: congson82@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 10,2004 đến tháng, năm 11,2010: Giáo Viên tại Trường THPT Lê Lai, Ngọc Lặc, Thanh Hóa

Từ tháng, năm 12,2010 đến tháng, năm 11,2021: Giảng Viên tại Đại Học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội

Chức vụ: Hiện nay: Giảng Viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng Viên

Cơ quan công tác hiện nay: Đại Học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: 334, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 10 tháng 09 năm 2004, số văn bằng: B589854, ngành: Sư Phạm Toán, chuyên ngành: Toán Giải tích; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Đại học Hồng Đức, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 16 tháng 03 năm 2010, số văn bằng: 680/QĐ-SĐH, ngành: Toán Học, chuyên ngành: Xác suất và thống kê toán học; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 12 tháng 05 năm 2015, số văn bằng: 1685/QĐ-ĐHKHTN, ngành: Toán học, chuyên ngành: Xác suất và thống kê toán học; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Các định lý giới hạn trong lý thuyết xác suất.

Toán tử ngẫu nhiên.

Tính toán ngẫu nhiên Malliavin.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Bộ; 1 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 23 bài báo khoa học, trong đó 20 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Đạt tiêu chuẩn và nhiệm vụ nhà giáo

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 10 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016				1	300		320
2	2016-2017				1	300		320
3	2017-2018			1	2	354		557.5
03 năm học cuối								
4	2018-2019		1	1		300		467.5
5	2019-2020		1		2	300	45	505
6	2020-2021	1	1		2	225	45	442.5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại Học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Tăng Thị Ngọc Quỳnh		X	X		10/2016 đến 10/2017	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.	02/04/2018
2	Bùi Khánh Hằng		X	X		10/2017 đến 10/2018	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	20/08/2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

2	Các định lý giới hạn cho trường các biến ngẫu nhiên	CN	QG.16.09, cấp Bộ	01/01/2016 đến 08/5/2019	08/5/2019 Tốt	
---	---	----	------------------	--------------------------	------------------	--

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Rate of complete convergence for maximums of moving average sums of martingale difference fields in Banach spaces	3	Có	Statistics & Probability Letters /ISSN: 0167-7152	Q2 - SCIE IF: 0.87		82, 11, 1978-1985	11/2012

2	The Brunk-Prokhorov strong law of large numbers for fields of martingale differences taking values in a Banach space	2	Có	Statistics & Probability Letters /ISSN: 0167-7152	Q2 - SCIE IF: 0.87	3	83, 8, 1901-1910	08/2013
3	L1 bounds for some martingale central limit theorems	3	Không	Lithuanian Mathematical Journal / ISSN: 0363-1672	Q3 - SCIE IF: 0.519	3	54, 1, 48-60	01/2014
4	Complete convergence in mean for double arrays of random variables with values in Banach spaces	3	Có	Applications of Mathematics / ISSN: 0862-7940	Q4 - SCIE IF: 0.881	2	59, 2, 177-190	03/2014
5	On the convergence of series of martingale differences with multidimensional indices	2	Có	Journal of the Korean Mathematical Society / ISSN: 0304-9914	Q3 - SCIE IF: 0.583		52, 5, 1023-1036	09/2015

6	Weak laws of large numbers of Cesaro summation for random arrays	2	Không	VNU Journal of Science: Mathematics - Physics			31, 3, 31-38	09/2015
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
7	On the convergence of the product of independent random operators	2	Có	Stochastics: An International Journal of Probability and Stochastic Processes / ISSN: 1744-2508	Q2 - SCIE IF: 0.935		88, 6, 927-945	04/2016
8	On convergence of moving average series of martingale differences fields taking values in Banach spaces	3	Có	Communications in Statistics-Theory and Methods / ISSN: 0361-0926	Q3 - SCIE IF: 0.893	1	47, 22, 5590-5603	11/2018
9	Weak Laws of Large Numbers for sequences of random variables with infinite r th moments	3	Không	Acta Mathematica Hungarica / ISSN: 0236-5294	Q2 - SCIE IF: 0.623	4	156, 2, 408-423	08/2018

10	The Number of Cusps of Complete Riemannian Manifolds with Finite Volume	3	Không	Taiwanese Journal of Mathematics /ISSN: 1027-5487	Q2 - SCI IF: 1.136		22, 6, 1403-1425	09/2018
11	Convergence for Martingale Sequences of Random Bounded Linear Operator	3	Không	VNU Journal of Science: Mathematics - Physics			34, 4, 55-62	09/2018
12	Weak laws of large numbers for weighted coordinatewise pairwise NQD random vectors in Hilbert spaces	3	Không	Journal of the Korean Mathematical Society / ISSN: 0304-9914	Q3 - SCIE IF: 0.583	1	56, 2, 457-473	03/2019
13	Semigroups of continuous module homomorphisms on complex complete random normed modules	3	Có	Lithuanian Mathematical Journal / ISSN: 0363-1672	Q3 - SCIE IF: 0.519	2	59, 2, 229–250	05/2019

14	Density Estimates for Solutions of Stochastic Functional Differential Equations	5	Không	Acta Mathematica Scientia / ISSN: 0252-9602	Q2 - SCIE IF: 1.258	1	39, 4, 955-970	05/2019
15	Tail distribution estimates for one- dimensional diffusion	2	Không	Journal of Mathematical Analysis and Applications /ISSN: 0022-247X	Q1 - SCI IF: 1.583		479, 2, 2119- 2138	09/2019
16	On the rate of convergence in the central limit theorem for arrays of random vectors	2	Không	Statistics & Probability Letters /ISSN: 0167-7152	Q2 - SCIE IF: 0.87	1	158 108671	03/2020
17	On the almost sure convergence for sums of negatively superadditive dependent random vectors in Hilbert spaces and its application	3	Có	Communications in Statistics-Theory and Methods / ISSN: 0361-0926	Q3 - SCIE IF: 0.893	3	49, 11, 2770- 2786	06/2020

18	The Rate of Convergence for the Smoluchowski-Kramers Approximation for Stochastic Differential Equations with FBM	1	Có	Journal of Statistical Physics /ISSN 1572-9613	Q2 - SCI IF: 1.548		181, 5, 1730–1745	09/2020
19	Convergence in mean and central limit theorems for weighted sum of martingale difference random vectors with infinite r th moments	3	Không	Statistics: A Journal of Theoretical and Applied Statistics / ISSN: 0233-1888	Q2 - SCI IF: 1.051		55, 2, 386–408	04/2021
20	On Stability for Hybrid System under Stochastic Perturbations	2	Không	VNU Journal of Science: Mathematics - Physics			37, 1, 82-90	03/2021

21	Central Limit Theorems for Weighted Sums of Dependent Random Vectors in Hilbert Spaces via the Theory of the Regular Variation	2	Có	Journal of Theoretical Probability / ISSN: 0894-9840	Q2 - SCI IF: 0.888		Online, doi.org/10.1	02/2021
22	Complete moment convergence for m-ANA random variables and statistical applications	2	Không	Journal of Statistical Computation and Simulation /ISSN: 0094-9655	Q2 - SCIE IF: 1.424		Online, doi.org/10.1	08/2021
23	Weak convergence of delay SDEs with applications to Caratheodory approximation	6	Có	Discrete Contin. Dyn. Syst. Ser. B /ISSN: 1531-3492	Q1 - SCI IF: 1.327		Online, doi:10.3934/	11/2021

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 7 ([7] [8] [13] [17] [18] [21] [23])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (***Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg***)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2021

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)